TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 566/2024/HC-PT Ngày: 17/6/2024 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đặng Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1005/2024/TLPT-HC ngày 12/12/2023, về việc Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3102/2024/QĐPT-HC ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số C, Nguyễn Thị Đ, Khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có mặt) và ông Lê Kim C1, sinh năm 1976. Địa chỉ: C N, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh H – Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Thị H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số H - I N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị kiện:*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: tầng A, tháp A, Tòa nhà T hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Hùng D, chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh B, (Quyết định ủy quyền số 1493/QĐ-UBND ngày 30/3/2023, có đơn xin vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 1025/QĐ-UBND ngày 15/3/2023, có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty Công viên lịch sử Văn hóa Dân tộc Thành phố H (nay là Ban Q). Địa chỉ: số B, đường Đ, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T1

+ Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị T, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/02/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Bà Đỗ Thị T là người trực tiếp quản lý, sử dụng 03 thửa đất, gồm các thửa đất sau:

Thửa đất 831 diện tích 1.422m^2 (bà Đỗ Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Lý H3 có giấy CN-QSDĐ số 61QSĐ/BATA do UBND huyện T (nay là thành phố T) cấp ngày 21/9/1996, được UBND huyện (nay là thành phố) T chứng thực vào ngày 16/6/1997.

Thửa đất là số 2 và số 3 có tổng diện tích 1.645m^2 thuộc tờ bản đồ số 37 phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Bản trích lục bản đồ địa chính ngày 18/3/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh và Bản trích lục bản đồ địa chính ngày 18/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H, gồm:

+ Diện tích 1.500m^2: Ngày 21/4/1996, bà T nhận chuyển nhượng giấy tay của bà Lưu Thị T2, diện tích đất tọa lạc tại xã L, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Diện tích đất 120m^2: Ngày 02/11/1998, bà T và chồng là ông Lê Ngọc C có nhận chuyển nhượng đất của bà Trương Thị M tại xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà có cải tạo mở rộng lò gạch, làm sân phơi, xây dựng 03 căn nhà ở cho công nhân. Hiện nay là đất trống, có trồng rau được gia đình bà Đỗ Thị T xây dựng tường, rào lưới B40.

Ngày 26/2/2020, bà Đỗ Thị T có đơn kiến nghị gửi đến Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Công viên lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H, có nội dung: Yêu cầu cung cấp bản đồ pháp lý dự án; xác định số thửa đất trong bản đồ quy hoạch dự án; xác định phần diện tích đất quy hoạch của gia đình bà T nằm trên địa phận của tỉnh Bình Dương hay địa phận Thành phố Hồ Chí Minh; có ảnh hưởng đến dự án, ảnh hưởng toàn bộ hay một phần; có thuộc đối tượng bị thu hồi đất; cơ sở pháp lý thu hồi đất.

Ngày 05/5/2021, Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Công văn số 974/UBND-NC về việc trả lời đơn đơn kiến nghị của bà Đỗ Thị T, nội dung: Vị trí đất bà Đỗ Thị T thuộc về địa giới tỉnh Bình Dương và toàn bộ diện tích đất 3.067m^2 bà Đỗ Thị T sử dụng thuộc ranh quy hoạch dự án: C dân tộc thu hồi giao đất của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998.

Không đồng ý với nội dung công văn trên, bà T khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố D, Chủ tịch UBND tỉnh B. Được giải quyết bằng Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T và Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2), nội dung: Bác nội dung đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T.

Nay, người khởi kiện bà Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Công viên lịch sử, văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Đỗ Thị T.

+ Hủy Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T, địa chỉ tại số C, Nguyễn Thị Đ, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hủy Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2).

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 15/5/2023 người đại diện hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch* Ủy ban nhân dân tỉnh B *trình bày:*

I. Nội dung khiếu nại :

Theo đơn khiếu nại đề ngày 20/5/2022 của bà Đỗ Thị T và Biên bản làm việc ngày 10/6/2022 của Thanh tra tỉnh, bà Đỗ Thị T khiếu nại Quyết định số

1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Đỗ Thị T và yêu cầu xác định vị trí khu đất diện tích khoảng 1.600m^2 của bà Đỗ Thị T *(chưa xác định được số thửa)* có nằm trong quy hoạch Dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh thuộc danh sách thu hồi đất tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trên địa bàn xã B, huyện T *(nay thuộc* phường B, thành phố D*)* không.

II. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Không đồng ý với việc thu hồi hồi đất để thực hiện quy hoạch Dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc thành phố H *(sau đây gọi tắt là Dự án)*, bà Đỗ Thị T có đơn khiếu nại cho rằng phần diện tích 1.645m^2 của bà Đỗ Thị T nhận chuyển nhượng giấy tay và khai phá nằm trong địa giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh và không thuộc quy hoạch Dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1.645m^2 nói trên.

Ngày 25/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định số 1444/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T.

Không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên, bà Đỗ Thị T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

III. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại lần hai:

1. Cơ sở pháp lý thực hiện Dự án:

Ngày 16/10/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 937/QĐ-TTg về việc giao đất để đầu tư xây dựng C - Văn hóa dân tộc tại xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương, có nội dung:

"Thu hồi 269.167m^2 đất thuộc xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương *và giao cho* Công ty Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc thành phố H *sử dụng toàn bộ diện tích đất thu hồi trên để đầu tư xây dựng* C - *Văn hóa dân tộc theo dự án đã được duyệt.*

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ bản đồ địa chính khu quy hoạch Làng Văn hóa dân tộc, tỷ lệ 1/1000 do Sở Địa chính tỉnh B *xác lập ngày 09 tháng 9 năm 1998."*

Qua phân tích Tờ bản đồ địa chính khu quy hoạch Làng Văn hóa dân tộc, tỷ lệ 1/1000 do Sở Địa chính tỉnh B xác lập ngày 09/9/1998 *(lập danh sách thửa đất theo Bảng thống kê chủ sử dụng đất do* UBND xã B *xác nhận ngày 17/6/1998),* có thể hiện:

- Thửa đất số 144, diện tích 2776,83m^2 của Ông C2 *(khu đất khoảng 1.600m^2 của bà* Đỗ Thị T *không có số thửa đất, sau này được xác định nằm trong Thửa đất số 144)*.

- Thửa đất số 146, diện tích 1517,55m^2 của bà Đỗ Thị T *(tương ứng thửa đất 831 do bà* Đỗ Thị T *nhận chuyển nhượng của ông* Nguyễn Lý H3 *có Giấy*

chứng nhận quyền sử dụng đất số 61QSDĐ/BA TA do UBND huyện T *cấp ngày 21/9/1996 được* UBND huyện T *chứng thực vào ngày 16/6/1997).*

2. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất khu đất khoảng 1.600m^2

Theo trình bày của bà Đỗ Thị T: Khu đất khoảng 1.600m^2 do bà Đỗ Thị T mua giấy tay từ 02 cá nhân khác, gồm:

- Diện tích 1.500m^2 nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị T2 ngày 25/4/1996.

- Diện tích 120m^2 nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị M ngày 02/11/1998.

Ngoài ra, không có phần diện tích 80m^2 đất khai phá theo kết quả giải quyết trước đây của các cơ quan có thẩm quyền.

Tại thời điểm mua bán từ năm 1996, phần đất mua bán giấy tay đã có sẵn lò gạch, có hàng rào tường xây, lưới B40 bao quanh thửa đất. Sau đó, gia đình có cải tạo mở rộng lò gạch, làm sân phơi, xây dựng 03 căn nhà ở cho công nhân.

Hiện nay, qua khảo sát thực địa, khu đất khoảng 1.600m^2 là đất trống, có trồng rau được gia đình bà Đỗ Thị T xây dựng tường, rào lưới B40.

3. Việc kê khai, đăng ký, thông tin địa chính khu đất khoảng 1.600m^2:

Bà Đỗ Thị T trình bày: Năm 2000, bà Đỗ Thị T có đóng thuế cho các phần đất khoảng 1.645m^2 tại phường L *(kèm 02 Biên lai thu thuế nhà đất ngày 09/6/2000 của* Chi cục thuế Q*)*. Sau năm 2000, gia đình bà Đỗ Thị T liên hệ cơ quan chức năng để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đó gia đình bà làm Đơn xin xác nhận ngày 23/10/2002 với nội dung phần diện tích đất 1.500m^2 không nằm trong bản đồ địa chính của xã B, để gia đình bà liên hệ phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND xã B xác nhận *(không đọc rõ tháng, năm)*.

Thực hiện Dự án theo Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, phần diện tích khoảng 1.600m^2 mua bán giấy tay của bà Đỗ Thị T được xác định nằm trong ranh quy hoạch của Dự án thuộc địa bàn xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố D*)*. Tuy nhiên, qua liên hệ với U, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Lê Ngọc C *(chồng của bà* Đỗ Thị T*)* cho biết: Phần diện tích đất khoảng 1.600m^2 nêu trên được Chi nhánh Văn phòng Đ1 thực hiện Trích lục bản đồ địa chính ngày 18/3/2017, thể hiện Thửa đất số 02 *(diện tích 1.448,9m^2)*; Trích lục bản đồ địa chính ngày 18/6/2020 thể hiện Thửa đất số 03 *(91m^2)* thuộc Tờ bản đồ địa chính 37, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đỗ Thị T xác định phần diện tích đất 1.600m^2 do gia đình bà quản lý, sử dụng chưa được đăng ký số thửa, có tứ cận như sau:

- 1 cạnh giáp thửa đất số 831, tờ bản đồ số 9, xã B của bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(thể hiện trên Bản đồ địa chính năm 1996)*;

- 1 cạnh giáp con đường H, phường L *(không xác định hẻm tiếp giáp với đường nào)*;

- 1 cạnh giáp đất ông C2 *(đã bàn giao cho Dự án)*;

- 1 cạnh giáp đất lò gạch ông P trước đây *(hiện nay không biết đất của ai)*.

Ranh giới thửa đất được xác định rõ ràng, ổn định có tường gạch xây từ sau khi mua giấy tay cho đến nay.

4. Kết quả làm việc với các cơ quan liên quan

4.1. Kết quả làm việc ngày 24/6/2022 của Thanh tra tỉnh với UBND phường B và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố D, xác định:

- Về thông tin địa chính:

Khu đất khoảng 1.600m^2 do bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa đất số 144, tổng diện tích 2.776,93m^2 với tên người sử dụng đất là "ông C2", được thể hiện trong Bảng thống kê chủ sử dụng đất *(Khu làng văn hóa dân tộc)* do UBND xã B lập ngày 17/6/1998 và Bản đồ địa chính Khu quy hoạch làng văn hóa dân tộc do Sở địa chính ký duyệt ngày 09/9/1998. Như vậy, từ năm 1998 có đủ cơ sở xác định khu đất do bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng nêu trên thuộc một phần thửa đất số 144 nằm trong phạm vi quy hoạch thu hồi đất thuộc C - Văn hóa dân tộc nằm trên địa bàn xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố D*)*, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao đất tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998.

- Về ranh giới khu đất: Theo Tờ bản đồ số 9 BT của UBND phường B lập năm 2005 thì phần đất khoảng 1.600m^2 mà bà Đỗ Thị T xác định tương ứng với vị trí khu đất thuộc một phần của 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 1226, diện tích 1446,6m^2 và thửa đất số 1231, diện tích 1.126,1m^2 *(cũng là vị trí thửa đất số 144 của ông* C2 *theo Bản đồ lập năm 1998),* không có số hiệu thửa đất riêng. Xác định tứ cận khu đất như sau:

+ Cạnh phía Đông tiếp giáp thửa đất số 1227, trước đây là khu vực làm gạch nung đất sét *(Sổ mục kê lập năm 2005 không có kê khai, đăng ký)*;

+ Cạnh phía Tây tiếp giáp đường đất *(thể hiện trên Bản đồ địa chính năm 1995,* xã B *trước đây);*

+ Cạnh phía Nam tiếp giáp con đường hẻm thuộc địa phận phường L;

+ Cạnh phía Bắc tiếp giáp một phần đất ông C2 (đã bàn giao cho Dự án).

Hiện nay, khu đất khoảng 1.600m^2 đang được bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng; hiện trạng là đất trống, kéo lưới B40 bao quanh thửa đất, thuộc địa phận xã B trước đây *(nay là* phường B*)*, đã được thu hồi giao cho Công viên Lịch sử Văn hóa dân tộc Thành phố H theo Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Kết quả làm việc ngày 12/7/2022 của Thanh tra tỉnh với Sở N và UBND thành phố D, xác định:

Thống nhất với nội dung xác định thông tin địa chính, ranh giới khu đất của UBND phường B, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố D.

Về việc xác định địa giới hành chính: Qua kết quả làm việc và xác minh thực tế với các cơ quan chức năng của tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh tại Biên bản ngày 18/3/2021, UBND thành phố D, Sở Nội vụ thống nhất khu đất khoảng 1.600m^2 do bà Đỗ Thị T đang quản lý, sử dụng thuộc địa giới hành chính phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Bản đồ địa giới hành chính 364 lập ngày 02/02/2002 *(xác định dựa trên hướng tuyến và cột mốc địa giới hành chính)*, được thiết lập ổn định từ năm 2002 cho đến nay và cũng là cơ sở để tiếp tục xác lập bản đồ địa chính theo quy định.

Hiện nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố D đang báo cáo, xin ý kiến Hội đồng bồi thường của Dự án thực hiện các bước tiếp theo để áp giá bồi thường về đất cho bà Đỗ Thị T.

4.3. Kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân:

Từ năm 2011 đến năm 2015, bà Đỗ Thị T đã khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định hành chính liên quan việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đối với phần đất bị thu hồi để thực hiện Dự án. Theo đó, Tòa án nhân dân đã ban hành các Bản án gồm: Bản án sơ thẩm số 05/2011/HC-ST ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An; Bản án phúc thẩm số 08/2012/HCPT ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Kháng nghị Giám đốc thẩm số 12/2014/KN-HC ngày 07/5/2014 của Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2014/GĐT-HC ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao *(hủy sơ thẩm, phúc thẩm và yêu cầu xét xử sơ thẩm lại từ đầu)*; Bản án sơ thẩm số 04/2015/HCST ngày 11/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An *(đã có hiệu lực thi hành, không kháng cáo)*, theo đó tuyên: Hủy Quyết định số 815/QĐ.UB ngày 11/4/2005 của UBND huyện D (nay là thị xã D) về giá trị bồi thường đất và tài sản trên đất của hộ bà Đỗ Thị T để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Dự án; hủy Quyết định số 3902/QĐ-UBND ngày 27/11/2007 của UBND huyện D về việc thu hồi đất của hộ bà Đỗ Thị T *(tổng diện tích đất thu hồi là 3.067m^2)*; hủy Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 của UBND huyện D về việc thu hồi Quyết định số 3902/QĐ-UBND ngày 27/11/2007.

Ngày 21/9/2022, UBND tỉnh đã có Văn bản số 4883/UBND-BTCD giao UBND thành phố D chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Đỗ Thị T theo quy định.

5. Kết quả đối thoại

Ngày 05/10/2022, Lãnh đạo Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các ngành chức năng tổ chức đối thoại với bà Đỗ Thị T. Tại buổi đối thoại, Lãnh đạo Thanh tra tỉnh và các ngành chức năng đã giải thích rõ các vấn đề liên quan việc xác định vị trí, thông tin khu đất của bà Đỗ Thị T đang khiếu nại thuộc quy hoạch của Dự án, đồng thời đề nghị UBND thành phố D nghiên cứu, có phương án tổ chức thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4883/UBND-BTCD

ngày 21/9/2022 để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Đỗ Thị T theo quy định pháp luật.

6. Nhận xét

Việc bà Đỗ Thị T khiếu nại Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Đỗ Thị T, là không có cơ sở xem xét giải quyết. Việc xác định vị trí khu đất diện tích khoảng 1.600m^2 của bà Đỗ Thị T *(chưa xác định được số thửa)* nằm trong quy hoạch Dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh thuộc danh sách thu hồi đất tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trên địa bàn xã B, huyện T *(nay thuộc* phường B, thành phố D*)*, là có cơ sở, bởi các lý do sau:

- Về 02 tờ mua bán giấy tay của bà Lưu Thị T2 ngày 25/4/1996 diện tích 1.500m^2 và của bà Trương Thị M ngày 02/11/1998 diện tích 120m^2 *(bản photo không có bản chính)* đã mờ không đọc rõ, không có số hiệu thửa đất, không xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; tuy nhiên cơ bản xác định được một phần nội dung như sau: Phần diện tích 1.500m^2 thuộc huyện T, tỉnh Sông Bé, phần diện tích 120m^2 không xác định được vị trí nhưng người bán - bà Lưu Thị M1 có địa chỉ tại phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về 02 Biên lai thu thuế nhà, đất số 11288, số 11289 ngày 09/6/2000 của Chi cục thuế Q có thể hiện: Người nộp thuế là bà Đỗ Thị T, phường L, nội dung nộp là thuế nhà, viết tay số liệu diện tích 200m^2:

Hai loại giấy tờ nêu trên không đủ cơ sở để xác định khu đất khoảng 1.600m^2 mà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng là nằm ngoài địa bàn xã B, huyện T *(nay thuộc* phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương. Mặt khác đối với phần diện tích 1.500m^2 mua ngày 25/4/1996 từ bà Lưu Thị T2 *(trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ thu hồi đất tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998)* có thể hiện thông tin về vị trí là thuộc huyện T, tỉnh Bình Dương.

Bên cạnh đó, khu đất khoảng 1.600m^2 do bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng được cơ quan có thẩm quyền *(*UBND phường B, UBND thành phố D*)* xác định thuộc một phần thửa đất số 144, tổng diện tích 2.776,93m^2 với tên người sử dụng đất là "ông C2", được thể hiện trong Bảng thống kê chủ sử dụng đất *(Khu làng văn hóa dân tộc)* do UBND xã B lập ngày 17/6/1998 và Bản đồ địa chính Khu quy hoạch làng văn hóa dân tộc do Sở Địa chính ký duyệt ngày 09/9/1998.

Như vậy, từ năm 1998 khu đất khoảng 1.600m^2 nêu trên thuộc một phần thửa đất số 144 nằm trong phạm vi quy hoạch thu hồi đất thuộc Công viên lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H nằm trên địa bàn xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố D*)*, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao đất tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998.

- Về ranh giới khu đất: Mặc dù khu đất khoảng 1.600m^2 không có số thửa đất riêng nhưng qua ý kiến trình bày tự xác định ranh giới của bà Đỗ Thị T và kết quả kiểm tra của UBND phường B, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố

D, cơ bản trùng khớp về tứ cận chỉ có một cạnh hướng Tây trên thực tế là tiếp giáp con đường đất rồi mới tiếp giáp thửa đất số 831 của bà Đỗ Thị T. Do đó đủ cơ sở để cơ quan chức năng xác định vị trí, ranh giới khu đất khoảng 1.600m^2 là thuộc quy hoạch Dự án thực hiện trên địa bàn phường B, thành phố D.

- Qua kết quả phối hợp xác minh giữa cơ quan chức năng của Thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan chức năng của tỉnh Bình Dương ngày 18/3/2021 đã xác định khu đất khoảng 1.600m^2 do bà Đỗ Thị T đang quản lý, sử dụng là thuộc địa giới hành chính phường B, tỉnh Bình Dương.

7. Kết luận

Từ những nội dung nêu trên, ngày 09/11/2022 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2868/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại (lần hai) của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố D là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T; công nhận Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của bà Đỗ Thị T, là đúng quy định của pháp luật.

Văn bản trình bày ngày 10/4/2023 người đại diện hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D *và Chủ tịch* UBND thành phố D *trình bày:*

1. Kết quả kiểm tra, xác định thửa đất trong bản đồ quy hoạch

Thực hiện dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H, tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích đất thu hồi thuộc tỉnh Bình Dương là 269.167m^2 tại xã B, huyện D (nay là phường B, thành phố D). Trong đó, diện tích gia đình bà Đỗ Thị T bị thu hồi là 3.067 m^2 đất, cụ thể:

+ Thửa đất số 831 có diện tích 1.422m² (nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Lý H3 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61QSDĐ/BA-TA do UBND huyện T (nay là thành phố D) cấp ngày 21/9/1996 được UBND huyện T chứng thực vào ngày 16/6/1997.

+ Diện tích 1.445m² nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị T2 ngày 25/4/1996 *(không có số thửa đất).*

+ Diện tích 120m² nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị M ngày 02/11/1998 *(không có số thửa đất) và* diện tích 80m² đất khai phá *(không có số thửa đất).*

Theo thiết lập bản đồ quy hoạch, trình phê duyệt dự án, các thửa đất của bà T sử dụng được đánh số theo vị trí lập bản đồ như sau:

+ Thửa đất số 831 có diện tích 1.422m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Tương ứng với vị trí đất số 146 (theo bảng thống kê chủ sử dụng đất ngày 17/6/1998) bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T) duyệt ký ngày 09/9/1998.

+ Tổng diện tích 1.645m^2 *(không có số thửa đất):* Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Tương ứng với vị trí đất số 144 bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T tỉnh) duyệt ký ngày 09/9/1998.

2. Kết quả làm việc với UBND phường B, Phòng N *và phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố*

Ngày 23/02/2022, UBND thành phố chỉ đạo cơ quan Thanh tra tiến hành xác minh với UBND phường B, Phòng Nội vụ, Phòng T về nội dung 03 thửa đất (không có số thửa đất) có tổng diện tích 1.645 m^2 thuộc địa giới hành chính phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương hay thuộc địa giới hành chính của phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả như sau:

- Ý kiến của UBND phường B: Các thửa đất (không có số thửa đất) có tổng diện tích 1.645 m^2 do bà Đỗ Thị T nhận chuyển nhượng và khai phá (theo trình bày của bà T) thuộc khu phố H, phường B, thành phố D.

- Ý kiến của Phòng Nội vụ: Căn cứ Công văn số 519/SNV-XDCQ-CCHC-CTTN ngày 24/3/2021 về việc xác định ranh địa giới hành chính giữa phường B, thành phố D với phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo số 30/BC-SNV ngày 14/4/2021 của Sở Nội vụ tỉnh B về việc xác định ranh địa giới hành chính giữa phường B, thành phố D với phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí đất của bà Đỗ Thị T nêu trên thuộc địa giới hành chính tỉnh Bình Dương.

- Ý kiến của Phòng T: Toàn bộ phần đất có diện tích 3.067m^2 đất của bà Đỗ Thị T nằm trong ranh giải tỏa thực hiện dự án: Công viên lịch sử văn hóa dân tộc, gồm:

+ Thửa đất số 831 có diện tích 1.422m^2 (bà Đỗ Thị T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Lý H3 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61QSDĐ/BA TA do UBND huyện T (nay là thành phố D) cấp ngày 21/9/1996 được UBND huyện T chứng thực vào ngày 16/6/1997.

+ Diện tích 1.445m^2 bà T nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị T2 ngày 25/4/1996 (không có số thửa đất).

+ Diện tích 120m^2 nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị M ngày 02/11/1998 (không có số thửa đất).

+ Diện tích 80m^2 đất khai phá (không có số thửa đất).

Căn cứ kết quả xác minh:

1. Việc bà Đỗ Thị T *khiếu nại cho rằng phần đất diện tích 1.645m^2 do bà nhận chuyển nhượng giấy tay và khai phá nằm trong địa giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở. Vì:*

Theo Công văn số 519/SNV-XDCQ-CCHC-CTTN ngày 24/3/2021 về việc xác định ranh địa giới hành chính giữa phường B, thành phố D với phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo số 30/BC-SNV ngày 14/4/2021 của Sở Nội vụ tỉnh B về việc xác định ranh địa giới hành chính giữa phường B, thành phố D với phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Vị trí đất phần đất có diện tích 1.645m^2 của bà Đỗ Thị T thuộc địa giới hành chính tỉnh Bình Dương.

2. Việc bà Đỗ Thị T *khiếu nại văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của* UBND thành phố D *và cho rằng phần đất không thuộc quy hoạch dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở. Vì:*

Theo thiết lập bản đồ quy hoạch, trình phê duyệt dự án, các thửa đất của bà T sử dụng được đánh số theo vị trí lập bản đồ như sau:

+ Thửa đất số 831 có diện tích 1.422m^2 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tương ứng với vị trí đất số 146 (theo bảng thống kê chủ sử dụng đất ngày 17/6/1998) bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T) duyệt ký ngày 09/9/1998.

+ Tổng diện tích 1.645m^2 (không có số thửa đất): Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Tương ứng với vị trí đất số 144 bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T tỉnh) duyệt ký ngày 09/9/1998.

Hai phần đất bà T đang sử dụng nêu trên, theo R thực địa đã được Ban quản lý công viên triển khai cắm mốc từ năm 1998 đến nay không thay đổi, nằm hoàn toàn trong ranh thu hồi giao đất của Thủ tướng Chính phủ.

Do đó, văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của UBND thành phố D xác định toàn bộ phần đất có tổng diện tích 3.067m^2 của bà Đỗ Thị T nằm trong ranh giải tỏa thực hiện dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H là đúng.

3. Việc bà Đỗ Thị T *yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.645m^2 đất do nhận chuyển nhượng và khai phá là không có cơ sở. Vì:*

Toàn bộ phần diện tích 1.645m^2 đất của bà Đỗ Thị T thuộc khu phố H, phường B, thành phố D nằm trong ranh giải tỏa thực hiện dự án Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H đã được Thủ tướng Chính phủ thu hồi và giao cho Công ty Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai có quy định về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, như sau:

"Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Đối chiếu với quy định này thì trường hợp của bà Đỗ Thị T không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1.645m^2 đất do phần đất này đã được Thủ tướng Chính phủ thu hồi tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Do không có cơ sở xem xét, giải quyết, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 bác đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T.

Từ những cơ sở và quan điểm nêu trên, việc bà Đỗ Thị T khởi kiện, yêu cầu Hủy Văn bản số 974/UBND ngày 05/5/2021 của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án Công viên lịch sử văn hóa dân tộc và Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị T là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Q *trình bày ý kiến:* Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc C *trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 12/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều: 30, 32, 116, 134, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Điều các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với các yêu cầu hủy các quyết định sau:

+ Văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Công viên lịch sử, văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn kiến nghị bà Đỗ Thị T.

+ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T, địa chỉ tại số C, Nguyễn Thị Đ, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000381 ngày 15/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2023, bà Đỗ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu huỷ án sơ thẩm nếu không huỷ án đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đỗ Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T xác định diện tích đất bị thu hồi 1.645m^2 tại thửa 02 và 03 tờ bản đồ 37 đất thuộc phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và gia đình bà đóng thuế đầy đủ nên việc UBND thành phố D thu hồi là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: Sau khi phân tích nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị T làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: UBND tỉnh B; Chủ tịch UBND tỉnh B; UBND thành phố D; Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương là người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị T, yêu cầu huỷ án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm giải quyết nội dung vụ án không phù hợp với những chứng cứ và những tình tiết khách quan của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử, toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật như từ thụ lý vụ án đã thu thập đầy đủ tài liệu do các đương sự cung cấp, có tổ

chức đối thoại và đưa vụ án ra xét xử. Bà T yêu cầu huỷ án sơ thẩm nhưng không đưa ra căn cứ để được chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị T, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, huỷ: Văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Công viên lịch sử, văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn kiến nghị bà Đỗ Thị T; Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T, địa chỉ tại số C, Nguyễn Thị Đ, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Tại Công văn 33/CV ngày 10/5/2004 và Quyết định số 222/QĐ.UB ngày 17/11/2004 của phường L (nay là thành phố T) về việc trả lời khiếu nại của bà Đỗ Thị T thì bà T đã biết diện tích đất đang đang khiếu nại không có trên bản đồ địa chính cũng như bản đồ địa giới hành chính của phường L, Quận I (nay là thành phố T) mà có vị trí tại thuộc phường B, huyện D (nay là thành phố D) tỉnh Bình Dương.

[4.2] Căn cứ biên bản về việc xác định ranh giới hành chính giữa phường Đ, thành phố D với phường L, thành phố T ngày 18/3/2021 với sự chứng kiến của đại diện: Sở Nội vụ tỉnh B; Sở Nội vụ Thành phố H; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Thành phố Hồ Chí Minh; UBND thành phố D, UBND phường B, thành phố D, UBND phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý công viên lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H sau khi kiểm tra thực địa, so sánh bản đồ địa giới hành chính xác định thửa đất của bà Đỗ Thị T đang khởi kiện thuộc địa giới hành chính 364 thuộc tỉnh Bình Dương nên không có căn cứ xác định vị trí đất của bà T đang khởi kiện thuộc địa giới hành chính của phường L, thành phố T.

[4.3] Trên thực tế, diện tích đất bà Đỗ Thị T sử dụng gồm: Thửa đất số 831 có diện tích 1.422m^2 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tương ứng với vị trí đất số 146 (theo bảng thống kê chủ sử dụng đất ngày 17/6/1998) bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T) duyệt ký ngày 09/9/1998 và diện tích 1.645m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay tương ứng với vị trí đất số 144 bản đồ địa chính do Sở Địa chính tỉnh B (nay là Sở T tỉnh) duyệt ký ngày 09/9/1998. Hai diện tích đất nêu trên, theo R1 đã được Ban Q triển khai cắm mốc từ năm 1998 đến nay không thay đổi, nằm hoàn toàn trong ranh thu hồi giao đất của Thủ tướng Chính phủ thuộc quy hoạch Dự án thực hiện trên địa bàn phường B, thành phố D nên Công văn số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Đỗ Thị T là có căn cứ và đúng quy định.

Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T và Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2) là đúng quy định về thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục từ khi thụ lý, xác minh khiếu nại, đối thoại với người khiếu nại theo quy định tại các Điều 14, 15, 18, 21, 27, 29, 30, 36, 38, 39 Luật Khiếu nại năm 2011. Nội dung và hình thức của văn bản giải quyết khiếu nại đã đảm bảo quy định tại các Điều 31, 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Về nội dung bác khiếu nại của bà Đỗ Thị T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh làm thay đổi bản án sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo của bà T và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các Điều: 30, 32, 116, 134, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Điều các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với các yêu cầu hủy:

+ Văn bản số 974/UBND-NC ngày 05/5/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Công viên lịch sử, văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn kiến nghị bà Đỗ Thị T.

+ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T, địa chỉ tại số C, Nguyễn Thị Đ, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T đối với Quyết

định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (lần 2).

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Bà Đỗ Thị T đã nộp 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000381 ngày 15/02/2023 và AA/2021/0011707 ngày 13/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương nay được đối trừ, bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hùng – Hoàng Minh Thịnh **Cao Văn Tám**